

Số: 868/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy
cho sinh viên khóa 14CĐ, 15LTCĐ và các khóa cũ trả nợ học phần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”;

Căn cứ biên bản buổi họp xét tốt nghiệp cao đẳng ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên bậc cao đẳng năm học 2016 - 2017;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 457 sinh viên của khóa 14CĐ, 15LTCĐ và các khóa cũ, cụ thể như sau:

1. Khóa 14CĐ : 359 sinh viên
2. Khóa 15LTCĐ : 39 sinh viên
3. Các khóa cũ : 59 sinh viên

(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /1 //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 868/QĐ-LTT-ĐT ngày 28 tháng 8 năm 2017
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
KHÓA 11CB														
1	11D0010192	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	25/10/1993	11CB-Đ3	0	156 đvht	156	5,82	Trung bình			
KHÓA 12CB														
2	12D3010073	Võ Minh	Lợi	Nam	15/01/1994	12CB-ĐT1	0	155 đvht	155	6,00	Trung bình khá	A	B	
3	12D3010040	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	25/5/1994	12CB-ĐT2	0	155 đvht	155	5,97	Trung bình			
4	12D301Đ100	Võ Tấn	Pháp	Nam	20/10/1990	12CB-Đ2	0	155 đvht	155	5,88	Trung bình			
5	12D301Đ116	Nguyễn Văn	Son	Nam	30/01/1994	12CB-Đ2	0	155 đvht	155	5,83	Trung bình			
6	12D201M041	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	06/02/1994	12CB-TM1	0	155 đvht	155	5,97	Trung bình			
KHÓA 13CB														
7	13D301Đ013	Nguyễn Chí	Bình	Nam	15/09/1995	13CB-Đ1	0	105	105	5,52	Trung bình			
8	13D301Đ021	Nguyễn Chí	Cường	Nam	20/02/1995	13CB-Đ1	0	105	105	6,01	Trung bình		B	
9	13D301Đ081	Mai Đình	Luyện	Nam	05/02/1992	13CB-Đ1	0	105	105	5,55	Trung bình		B	
10	13D301Đ133	Nguyễn Khắc	Thành	Nam	11/07/1992	13CB-Đ1	0	105	105	5,81	Trung bình		B	
11	13D301Đ026	Trương Thành	Dương	Nam	27/09/1995	13CB-Đ2	0	105	105	5,66	Trung bình		B	
12	13D301Đ074	Ngô Quốc Thái	Linh	Nam	26/04/1995	13CB-Đ2	0	105	105	5,80	Trung bình		B	
13	13D301Đ194	Trần Văn	Linh	Nam	03/04/1995	13CB-Đ2	0	105	105	5,80	Trung bình	A	B	
14	13D301Đ078	Phạm Tấn	Lợi	Nam	28/06/1994	13CB-Đ2	0	105	105	5,78	Trung bình	A	B	
15	12D301Đ085	Nguyễn Đình	Nam	Nam	12/10/1994	13CB-Đ2	0	105	105	5,82	Trung bình	A		
16	12D301Đ104	Võ Tiến	Phát	Nam	04/11/1993	13CB-Đ2	0	105	105	5,72	Trung bình			
17	13D301Đ100	Phạm Nguyễn Anh	Phong	Nam	28/09/1995	13CB-Đ2	0	105	105	6,22	Trung bình	A	B	
18	13D301Đ196	Nguyễn Toàn	Thắng	Nam	13/08/1995	13CB-Đ3	0	105	105	5,80	Trung bình	A	B	
19	12D301Đ163	Lê Thanh	Tùng	Nam	03/05/1993	13CB-Đ3	0	105	105	5,77	Trung bình	A		
20	13D3010053	Đỗ Đăng	Khoa	Nam	01/01/1994	13CB-ĐT1	0	105	105	6,28	Trung bình		B	
21	13D3010134	Đào Hữu	Toàn	Nam	18/11/1995	13CB-ĐT1	0	105	105	5,87	Trung bình	A	B	
22	12D3010023	Phan Công	Danh	Nam	11/11/1994	13CB-ĐT2	0	105	105	6,14	Trung bình	A		
23	13D3010023	Nguyễn Trường	Giang	Nam	07/08/1993	13CB-ĐT2	0	105	105	6,01	Trung bình			
24	13D3010052	Nguyễn Quang	Khánh	Nam	09/11/1995	13CB-ĐT2	0	105	105	5,60	Trung bình	A	B	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
25	13D3010078	Võ Phước	Nhân	Nam	12/05/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6,12	Trung bình	A	B	
26	13D3010084	Võ Trần Vũ	Phong	Nam	23/10/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6,14	Trung bình	A	B	
27	13D3010096	Hoàng Minh	Phương	Nam	14/09/1993	13CD-ĐT2	0	105	105	5,67	Trung bình		B	
28	13D3010103	Trần Quang	Sáng	Nam	05/12/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	5,88	Trung bình	A		
29	13D3010118	Nguyễn Công	Thắng	Nam	11/03/1994	13CD-ĐT2	0	105	105	6,06	Trung bình	A	B	
30	13D3010130	Huỳnh Văn	Thường	Nam	08/08/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6,34	Trung bình	A	B	
31	13D3010145	Nguyễn Anh	Tú	Nam	20/09/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	5,99	Trung bình	A	B	
32	12D3010177	Ngô Đức	Vượng	Nam	10/11/1994	13CD-ĐT2	0	105	107	5,83	Trung bình	A	B	
33	13D2060020	Ngô Đăng	Khoa	Nam	20/08/1995	13CD-NL1	0	105	105	5,96	Trung bình	A	B	
34	13D2010034	Mai Công	Đạt	Nam	25/06/1994	13CD-CK1	0	105	105	6,22	Trung bình	A	B	
35	13D2010118	Nguyễn Cao	Minh	Nam	09/10/1995	13CD-CK1	0	105	105	5,84	Trung bình	A	B	
36	12D2010068	Trần Thế	Hùng	Nam	11/07/1994	13CD-CK2	0	105	107	6,06	Trung bình	A	B	
37	13D2010124	Võ Hoàng	Nam	Nam	25/11/1994	13CD-CK2	0	105	105	5,69	Trung bình	A	B	
38	13D2010244	Bùi Huy	Tuấn	Nam	04/06/1995	13CD-CK2	0	105	105	5,85	Trung bình	A		
39	13D2010140	Lê Quang	Phát	Nam	04/06/1994	13CD-CK3	0	105	106	5,65	Trung bình	A	B	
40	13D2010182	Phạm Minh	Tâm	Nam	05/09/1995	13CD-CK3	0	105	105	5,82	Trung bình	A	B	
41	13D2010185	Lê Kim	Thạch	Nam	18/02/1994	13CD-CK3	0	105	105	6,12	Trung bình	A	B	
42	13D2010293	Lê Tiến	Hải	Nam	08/08/1991	13CD-CK4	0	105	105	6,13	Trung bình			
43	13D2010057	Nguyễn Xuân	Hiển	Nam	16/02/1995	13CD-CK4	0	105	105	5,76	Trung bình		B	
44	13D2010181	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	06/11/1994	13CD-CK4	0	105	105	5,77	Trung bình		B	
45	13D2010222	Nguyễn Tấn	Tiếp	Nam	17/05/1995	13CD-CK4	0	105	106	5,52	Trung bình		B	
46	13D2010242	Trần Ngọc	Tú	Nam	13/10/1994	13CD-CK4	0	105	106	5,70	Trung bình	A	B	
47	13D2050039	Hoàng Minh	Đức	Nam	05/06/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6,02	Trung bình	A	B	
48	13D2050083	Lê Ngọc	Huy	Nam	05/04/1992	13CD-Ô2	0	105	105	6,09	Trung bình	A	B	
49	13D2050188	Nguyễn Hoài	Thanh	Nam	25/01/1995	13CD-Ô2	0	105	105	5,87	Trung bình	A	B	
50	13D2050198	Nguyễn Xuân	Thọ	Nam	13/06/1995	13CD-Ô2	0	105	105	5,79	Trung bình	A	B	
51	13D2050199	Nguyễn Ngọc	Thoại	Nam	07/12/1995	13CD-Ô2	0	105	105	7,35	Khá		B	
52	13D2050123	Hoàng Văn	Nghĩa	Nam	18/10/1994	13CD-Ô3	0	105	109	5,73	Trung bình	A	B	
53	13D2050153	Nguyễn Vũ Tiến	Phương	Nam	27/03/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6,23	Trung bình			
54	13D2050258	Đỗ Hoàng Minh	Vũ	Nam	27/11/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6,07	Trung bình	A		
55	13D201P009	Nguyễn Thanh Chí	Bình	Nam	23/01/1995	13CD-TP2	0	105	105	5,55	Trung bình			
56	13D201P028	Nguyễn	Huệ	Nam	04/12/1995	13CD-TP2	0	105	105	5,81	Trung bình			
57	13D201P056	Dương Thanh	Phong	Nam	18/05/1994	13CD-TP2	0	105	105	6,04	Trung bình			
58	13D201M083	Mai Thanh	Song	Nam	05/08/1995	13CD-TM2	0	105	105	5,91	Trung bình		B	
59	13D201M074	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	29/04/1995	13CD-TM2	0	105	105	5,85	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
KHÓA 14CĐ														
60	14000484	Thái Nhật	Anh	Nam	03/07/1995	14CĐĐC01	0	105	105	5,97	Trung bình	A		
61	14000499	Trần Minh	Hiếu	Nam	07/12/1995	14CĐĐC01	0	105	105	6,99	Trung bình	A	B	
62	14000515	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	08/04/1995	14CĐĐC01	0	105	105	5,85	Trung bình	A	B	
63	14000519	Nguyễn Văn	Sinh	Nam	11/11/1996	14CĐĐC01	0	105	105	7,22	Khá	A	B	
64	14000522	Phạm Duy	Thắng	Nam	03/04/1995	14CĐĐC01	0	105	105	5,91	Trung bình	A	B	
65	14000528	Lưu Văn Khánh	Tiên	Nam	18/12/1996	14CĐĐC01	0	105	105	6,52	Trung bình	A	B	
66	14000532	Đặng Thành	Trung	Nam	26/02/1996	14CĐĐC01	0	105	105	6,12	Trung bình	A	B	
67	14000534	Hồ Viết	Trường	Nam	05/08/1994	14CĐĐC01	0	105	105	5,94	Trung bình	A	B	
68	14000538	Thiên	Akazet	Nam	17/10/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,58	Trung bình	A	B	
69	14000540	Đỗ Hồng	Bạch	Nam	03/01/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,09	Trung bình	A	B	
70	14000541	Nguyễn Văn	Bình	Nam	02/09/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,82	Trung bình	A	B	
71	14000546	Võ Đình	Đặng	Nam	20/12/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,02	Trung bình	A	B	
72	14000547	Trần Văn	Đạt	Nam	10/11/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,74	Trung bình		B	
73	14000548	Vũ Văn	Độ	Nam	20/01/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,94	Trung bình		B	
74	14000544	Phạm Trường	Dương	Nam	20/02/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,54	Trung bình	A	B	
75	14000545	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	24/10/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,78	Trung bình		B	
76	14000551	Lê Chánh	Hiệp	Nam	26/12/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,34	Trung bình	A	B	
77	14000561	Lê Vũ Khắc	Nhân	Nam	17/10/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,57	Trung bình	A	B	
78	14000562	Bùi Quốc	Phong	Nam	21/01/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,50	Trung bình	A	B	
79	14000565	Nguyễn Đức	Sang	Nam	15/10/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,28	Trung bình	A	B	
80	14000567	Hà Hoàng	Thái	Nam	25/08/1995	14CĐĐC02	0	105	105	7,03	Khá	A	B	
81	14000568	Võ Đức	Thắng	Nam	28/02/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,27	Trung bình	A	B	
82	14000571	Đỗ Tấn	Tiên	Nam	11/07/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,83	Trung bình		B	
83	14000574	Nguyễn Huỳnh	Triết	Nam	11/04/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,64	Trung bình	A	B	
84	14000576	Phùng Minh	Trụ	Nam	29/04/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,95	Trung bình	A	B	
85	14000577	Võ Văn	Trung	Nam	01/06/1996	14CĐĐC02	0	105	105	5,81	Trung bình	A	B	
86	14000578	Phan Văn	Tứ	Nam	20/10/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,25	Trung bình	A	B	
87	14000583	Hồ Hữu	Vân	Nam	08/05/1995	14CĐĐC02	0	105	105	5,60	Trung bình	A	B	
88	14000584	Nguyễn Mạnh Thanh	Vinh	Nam	16/12/1996	14CĐĐC02	0	105	105	6,26	Trung bình	A	B	
89	14000369	Mohamed	Alsari	Nam	19/08/1995	14CĐĐT01	0	105	105	5,80	Trung bình	A	B	
90	14000368	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	10/12/1996	14CĐĐT01	0	105	105	7,35	Khá	A	B	
91	14000377	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	06/07/1994	14CĐĐT01	0	105	105	5,84	Trung bình	A	B	
92	14000378	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	18/11/1996	14CĐĐT01	0	105	105	6,68	Trung bình	A	B	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
93	14000372	Phan Đình Nguyễn	Diễm	Nam	11/01/1995	14CĐĐT01	0	105	105	5,97	Trung bình	A	B	
94	14000379	Trần Minh	Đức	Nam	03/09/1995	14CĐĐT01	0	105	105	7,04	Khá	A	B	
95	14000374	Đặng Hoàng	Duy	Nam	09/06/1996	14CĐĐT01	0	105	105	6,27	Trung bình	A	B	
96	14000375	Văn Xuân	Duy	Nam	02/02/1996	14CĐĐT01	0	105	105	5,73	Trung bình	A	B	
97	14000380	Đinh Quy	Hải	Nam	07/05/1996	14CĐĐT01	0	105	105	6,20	Trung bình	A	B	
98	14000381	Nguyễn Tuấn	Hào	Nam	02/08/1996	14CĐĐT01	0	105	105	6,05	Trung bình	A	B	
99	14000383	Lê Minh	Hiếu	Nam	01/05/1996	14CĐĐT01	0	105	109	5,92	Trung bình	A	B	
100	14000387	Trần Đăng	Huy	Nam	18/05/1996	14CĐĐT01	0	105	107	6,51	Trung bình	A	B	
101	14000388	Mai Tấn	Khang	Nam	22/01/1996	14CĐĐT01	0	105	105	5,86	Trung bình	A	B	
102	14000393	Trần Văn	Kiệt	Nam	05/02/1995	14CĐĐT01	0	105	105	6,78	Trung bình	A	B	
103	14000394	Đoàn Văn	Linh	Nam	01/03/1996	14CĐĐT01	0	105	105	6,20	Trung bình	A	B	
104	14000395	Hoàng Văn Thanh	Long	Nam	03/09/1996	14CĐĐT01	0	105	107	5,99	Trung bình	A	B	
105	14000398	Lê Hữu	Nghĩa	Nam	07/12/1996	14CĐĐT01	0	105	107	6,06	Trung bình	A	B	
106	14000400	Lượng Thành	Nguyễn	Nam	20/01/1996	14CĐĐT01	0	105	105	5,94	Trung bình	A	B	
107	14000401	Nguyễn Đạt	Nhất	Nam	24/07/1996	14CĐĐT01	0	105	107	5,83	Trung bình	A	B	
108	14000402	Trương Quang	Nhật	Nam	16/02/1996	14CĐĐT01	0	105	107	5,85	Trung bình	A	B	
109	14000403	Lê Văn	Nhỏ	Nam	24/02/1996	14CĐĐT01	0	105	105	6,49	Trung bình	A	B	
110	14000404	Dương Văn	Phát	Nam	01/10/1996	14CĐĐT01	0	105	109	6,75	Trung bình	A	B	
111	14000406	Nguyễn Trần Thanh	Phúc	Nam	10/07/1995	14CĐĐT01	0	105	105	6,70	Trung bình	A	B	
112	12D3010096	Phạm Minh	Phúc	Nam	13/07/1994	14CĐĐT01	0	105	105	5,97	Trung bình	A	B	
113	14000409	Lê Văn	Sang	Nam	02/01/1996	14CĐĐT01	0	105	105	5,82	Trung bình	A	B	
114	14000410	Huỳnh Băng	Son	Nam	28/11/1995	14CĐĐT01	0	105	109	7,08	Khá	A	B	
115	14000413	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	27/08/1996	14CĐĐT01	0	105	107	6,08	Trung bình	A	B	
116	14000415	Võ Thành	Thôi	Nam	25/02/1996	14CĐĐT01	0	105	105	5,72	Trung bình	A	B	
117	14000419	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	06/06/1996	14CĐĐT01	0	105	107	6,22	Trung bình	A	B	
118	14000421	Trần Công	Trường	Nam	13/03/1996	14CĐĐT01	0	105	109	6,08	Trung bình	A	B	
119	14000422	Đỗ Nguyễn Cao Anh	Tú	Nam	16/04/1996	14CĐĐT01	0	105	109	5,98	Trung bình	A	B	
120	14000428	Trịnh Mạnh	Cường	Nam	06/11/1996	14CĐĐT02	0	105	107	5,53	Trung bình			
121	14000429	Nguyễn Thanh	Dur	Nam	25/10/1995	14CĐĐT02	0	105	105	5,66	Trung bình	A		
122	14000430	Nguyễn Bình	Dương	Nam	22/09/1994	14CĐĐT02	0	105	105	6,18	Trung bình	A	B	
123	14000432	Trần Nguyễn Phương	Duy	Nam	31/07/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,70	Trung bình		B	
124	14000445	Nguyễn Chí	Kiệt	Nam	15/12/1995	14CĐĐT02	0	105	105	6,29	Trung bình	A	B	
125	14000446	Đặng Hồng	Lâm	Nam	12/09/1996	14CĐĐT02	0	105	105	5,91	Trung bình	A	B	
126	14000448	Lương Quốc	Lộc	Nam	12/10/1995	14CĐĐT02	0	105	105	6,20	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
127	14000450	Chương Hoàng	Minh	Nam	07/03/1996	14CĐĐT02	0	105	105	5,99	Trung bình	A	B	
128	14000451	Trần Thanh	Minh	Nam	21/08/1996	14CĐĐT02	0	105	105	5,62	Trung bình	A	B	
129	14000454	Đặng Minh	Nhật	Nam	20/10/1995	14CĐĐT02	0	105	105	6,27	Trung bình		B	
130	14000455	Nguyễn	Phát	Nam	05/06/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,42	Trung bình		B	
131	14000456	Hồ Duy	Phước	Nam	01/06/1995	14CĐĐT02	0	105	105	6,34	Trung bình	A	B	
132	14000457	Đoàn Việt	Quang	Nam	15/12/1996	14CĐĐT02	0	105	105	5,72	Trung bình	A	B	
133	14000459	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	20/12/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,24	Trung bình	A		
134	14000460	Huỳnh Thế	Son	Nam	14/04/1996	14CĐĐT02	0	105	105	5,74	Trung bình		B	
135	14000461	Nguyễn Ngọc	Tâm	Nam	20/08/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,05	Trung bình	A	B	
136	14000463	Dương Văn	Thanh	Nam	12/08/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,42	Trung bình	A	B	
137	14000464	Nguyễn Trung	Thành	Nam	05/08/1995	14CĐĐT02	0	105	105	6,09	Trung bình	A	B	
138	14000465	Nguyễn Đình	Thịnh	Nam	06/05/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,32	Trung bình		B	
139	14000467	Nguyễn Minh	Thương	Nam	25/11/1995	14CĐĐT02	0	105	105	6,15	Trung bình	A	B	
140	14000468	Huỳnh Trung	Tiến	Nam	04/01/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,53	Trung bình			
141	14000470	Dương Văn	Tín	Nam	09/06/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,22	Trung bình	A	B	
142	14000471	Cao Minh	Toàn	Nam	25/04/1995	14CĐĐT02	0	105	105	5,59	Trung bình	A	B	
143	14000472	Ngô Minh	Trí	Nam	19/07/1996	14CĐĐT02	0	105	105	5,82	Trung bình		B	
144	14000477	Nguyễn	Tú	Nam	28/02/1995	14CĐĐT02	0	105	105	5,96	Trung bình	A	B	
145	14000479	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	08/01/1995	14CĐĐT02	0	105	105	5,73	Trung bình		B	
146	14000480	Lê Văn	Tuấn	Nam	01/01/1996	14CĐĐT02	0	105	105	7,60	Khá		B	
147	14000482	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	11/06/1996	14CĐĐT02	0	105	105	6,27	Trung bình	A	B	
148	14000588	Nguyễn Văn	Bảo	Nam	19/06/1996	14CĐNL01	0	105	105	6,21	Trung bình	A	B	
149	14000593	Trần Đơn	Dương	Nam	18/02/1996	14CĐNL01	0	105	105	6,05	Trung bình	A	B	
150	14000594	Phạm Trường	Duy	Nam	20/12/1995	14CĐNL01	0	105	105	6,65	Trung bình		B	
151	14000596	Nguyễn Nhật	Hào	Nam	06/01/1995	14CĐNL01	0	105	105	5,78	Trung bình		B	
152	14000597	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	19/04/1996	14CĐNL01	0	105	105	6,16	Trung bình	A	B	
153	14000598	Võ Hoàng	Hoa	Nam	01/01/1996	14CĐNL01	0	105	105	6,03	Trung bình		B	
154	14000602	Lâm Văn	Lộc	Nam	06/09/1996	14CĐNL01	0	105	105	6,05	Trung bình			
155	14000608	Lê Hồng	Phong	Nam	19/02/1996	14CĐNL01	0	105	105	6,12	Trung bình	A	B	
156	14000609	Nguyễn Phong	Phú	Nam	10/04/1994	14CĐNL01	0	105	105	6,80	Trung bình	A	B	
157	14000613	Lê Hoàng	Sự	Nam	09/01/1996	14CĐNL01	0	105	105	5,94	Trung bình	A	B	
158	14000614	Đỗ Bá	Thành	Nam	18/08/1995	14CĐNL01	0	105	105	5,93	Trung bình	A	B	
159	14000615	Bùi Văn	Thuận	Nam	06/06/1996	14CĐNL01	0	105	105	5,75	Trung bình		B	
160	14000616	Nguyễn Việt	Thuy	Nam	01/01/1994	14CĐNL01	0	105	105	6,62	Trung bình	A	B	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
161	14000617	Nguyễn Tân	Tiền	Nam	17/10/1996	14CDNL01	0	105	105	6,49	Trung bình	A	B	
162	14000623	Lê Văn	Trưởng	Nam	14/10/1996	14CDNL01	0	105	105	6,34	Trung bình	A	B	
163	14000624	Nguyễn Lê Anh	Tú	Nam	22/04/1996	14CDNL01	0	105	105	6,46	Trung bình	A	B	
164	14000625	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	21/01/1996	14CDNL01	0	105	105	6,28	Trung bình	A	B	
165	14000628	Nguyễn Như	Ý	Nam	20/08/1995	14CDNL01	0	105	105	5,79	Trung bình		B	
166	14000629	Nguyễn Thành	An	Nam	20/04/1996	14CDCK01	0	105	105	6,16	Trung bình	A	B	
167	14000630	Phan Thanh	Bạo	Nam	24/08/1995	14CDCK01	0	105	105	5,87	Trung bình	A	B	
168	14000631	Phan Huỳnh	Biểu	Nam	12/12/1996	14CDCK01	0	105	105	5,60	Trung bình	A		
169	14000633	Đặng Hữu	Cảnh	Nam	25/03/1996	14CDCK01	0	105	105	6,42	Trung bình	A	B	
170	14000635	Vũ Quốc	Đạt	Nam	28/07/1996	14CDCK01	0	105	105	6,24	Trung bình	A	B	
171	14000636	Đỗ Huỳnh	Đức	Nam	07/12/1996	14CDCK01	0	105	105	6,64	Trung bình		B	
172	14000634	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	05/01/1996	14CDCK01	0	105	105	5,79	Trung bình	A	B	
173	14000638	Nguyễn Tấn	Hải	Nam	20/12/1996	14CDCK01	0	105	105	6,46	Trung bình	A	B	
174	14000641	Lê Xuân	Hiền	Nam	28/12/1996	14CDCK01	0	105	105	6,34	Trung bình	A		
175	14000643	Hồ Văn	Hiếu	Nam	26/11/1994	14CDCK01	0	105	105	6,52	Trung bình	A	B	
176	14000775	Trương Minh	Hiếu	Nam	10/10/1995	14CDCK01	0	105	105	6,70	Trung bình	A	B	
177	14000776	Phan Trường	Học	Nam	22/06/1995	14CDCK01	0	105	105	5,68	Trung bình	A	B	
178	14000645	Đặng	Hùng	Nam	10/12/1996	14CDCK01	0	105	105	6,49	Trung bình	A	B	
179	14000646	Đỗ Ngọc	Huy	Nam	04/03/1996	14CDCK01	0	105	106	5,65	Trung bình		B	
180	14000649	Phạm Thanh	Khoa	Nam	27/03/1995	14CDCK01	0	105	105	6,98	Trung bình		B	
181	14000655	Nguyễn Huỳnh Công	Lý	Nam	07/07/1996	14CDCK01	0	105	105	5,85	Trung bình	A	B	
182	14000657	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	29/03/1996	14CDCK01	0	105	105	6,19	Trung bình	A	B	
183	14000659	Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	21/09/1995	14CDCK01	0	105	105	7,25	Khá	A	B	
184	14000662	Trần Văn	Nhật	Nam	02/06/1996	14CDCK01	0	105	105	6,00	Trung bình	A	B	
185	14000663	Trương Mạnh	Phi	Nam	05/09/1996	14CDCK01	0	105	105	5,58	Trung bình		B	
186	14000667	Trương Văn	Quang	Nam	24/09/1996	14CDCK01	0	105	105	6,28	Trung bình	A	B	
187	14000677	Mai Hoàng	Anh	Nam	04/08/1995	14CDCK02	0	105	105	6,63	Trung bình	A	B	
188	14000678	Hà Thanh	Bình	Nam	24/03/1996	14CDCK02	0	105	105	6,10	Trung bình	A	B	
189	14000680	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	08/01/1996	14CDCK02	0	105	105	5,54	Trung bình	A		
190	14000689	Lê Minh	Khang	Nam	03/08/1995	14CDCK02	0	105	105	6,79	Trung bình	A	B	
191	14000782	Phạm Thế	Lộc	Nam	18/06/1996	14CDCK02	0	105	105	6,16	Trung bình	A	B	
192	14000783	Võ Văn	Lớn	Nam	05/08/1996	14CDCK02	0	105	105	5,66	Trung bình	A	B	
193	14000785	Trần Minh	Nghị	Nam	02/02/1996	14CDCK02	0	105	105	5,52	Trung bình	A	B	
194	14000787	Đỗ Hoàng	Nhân	Nam	09/07/1996	14CDCK02	0	105	106	5,69	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
195	14000698	Đỗ Thiên	Pháp	Nam	03/02/1996	14CDCK02	0	105	105	5,97	Trung bình	A	B	
196	14000699	Chung Văn	Phong	Nam	10/07/1995	14CDCK02	0	105	105	5,89	Trung bình	A	B	
197	14000790	Phan Tấn	Quang	Nam	12/06/1996	14CDCK02	0	105	105	6,29	Trung bình	A	B	
198	14000702	Võ Duy	Quang	Nam	10/08/1996	14CDCK02	0	105	105	6,92	Trung bình	A	B	
199	14000791	Trần Văn	Quý	Nam	08/04/1996	14CDCK02	0	105	105	5,80	Trung bình	A	B	
200	14000793	Hồ Phạm Hoàng	Tâm	Nam	20/09/1996	14CDCK02	0	105	106	5,51	Trung bình	A	B	
201	14000705	Đào Duy	Thắng	Nam	20/11/1992	14CDCK02	0	105	105	5,69	Trung bình	A	B	
202	14000711	Nguyễn Thành	Thương	Nam	09/07/1996	14CDCK02	0	105	105	5,90	Trung bình	A	B	
203	14000716	Nguyễn Hùng	Triều	Nam	20/11/1996	14CDCK02	0	105	105	6,03	Trung bình	A	B	
204	14000717	Cao Nhật	Trình	Nam	26/09/1996	14CDCK02	0	105	105	5,76	Trung bình	A		
205	14000718	Đỗ Đức Anh	Tuấn	Nam	12/04/1996	14CDCK02	0	105	106	5,77	Trung bình	A	B	
206	14000722	Nguyễn Văn	Vương	Nam	22/02/1995	14CDCK02	0	105	105	5,75	Trung bình	A	B	
207	13D2010031	Cao Nguyễn Mẫn	Đạt	Nam	24/08/1995	14CDCK03	0	105	105	5,96	Trung bình	A	B	
208	14000727	Trương Công	Đạt	Nam	27/01/1996	14CDCK03	0	105	106	5,72	Trung bình	A	B	
209	14000728	Nguyễn Thành	Đông	Nam	07/11/1996	14CDCK03	0	105	105	6,65	Trung bình	A	B	
210	14000726	Phạm	Duy	Nam	09/10/1996	14CDCK03	0	105	105	6,31	Trung bình	A	B	
211	14000737	Phạm Việt	Kiệt	Nam	21/02/1996	14CDCK03	0	105	105	5,73	Trung bình	A	B	
212	14000742	Nguyễn Hải	Nam	Nam	20/06/1996	14CDCK03	0	105	105	5,85	Trung bình	A	B	
213	12D2010112	Bùi Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	25/04/1994	14CDCK03	0	105	105	6,37	Trung bình	A	B	
214	14000746	Mai Nguyễn Anh	Quân	Nam	26/02/1994	14CDCK03	0	105	105	5,75	Trung bình	A	B	
215	14000749	Nguyễn Thanh	Tây	Nam	30/12/1996	14CDCK03	0	105	105	6,09	Trung bình		B	
216	14000751	Huỳnh Công	Thiện	Nam	26/11/1996	14CDCK03	0	105	105	5,64	Trung bình		B	
217	14000800	Lê Hiệp	Thuận	Nam	10/02/1991	14CDCK03	0	105	105	6,53	Trung bình	A	B	
218	14000754	Võ Duy Thái	Thụy	Nam	14/09/1996	14CDCK03	0	105	105	6,00	Trung bình	A	B	
219	14000755	Lê Trung	Tín	Nam	23/10/1996	14CDCK03	0	105	105	5,94	Trung bình	A	B	
220	14000756	Đặng Ngọc	Tinh	Nam	30/01/1996	14CDCK03	0	105	105	7,17	Khá	A	B	
221	14000803	Trần Minh	Toàn	Nam	27/03/1995	14CDCK03	0	105	106	6,23	Trung bình	A	B	
222	14000758	Nguyễn Hải	Triều	Nam	26/02/1996	14CDCK03	0	105	105	6,67	Trung bình	A	B	
223	14000805	Mai Thanh	Trung	Nam	02/08/1996	14CDCK03	0	105	105	5,91	Trung bình	A	B	
224	14000761	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	10/11/1996	14CDCK03	0	105	105	6,20	Trung bình	A	B	
225	14000762	Trần Quốc	Tuấn	Nam	27/12/1994	14CDCK03	0	105	105	5,88	Trung bình	A	B	
226	14000809	Nguyễn Chí	Vũ	Nam	01/06/1996	14CDCK03	0	105	105	5,75	Trung bình	A	B	
227	14000764	Phạm Quốc	Vương	Nam	12/11/1996	14CDCK03	0	105	105	6,21	Trung bình		B	
228	14000811	Nguyễn Trường	An	Nam	31/01/1996	14CDOT01	0	105	105	6,04	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
229	14000812	Nguyễn Văn	An	Nam	10/10/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,95	Trung bình		B	
230	13D2050003	Nguyễn Hồ Minh	Anh	Nam	19/12/1995	14CĐOT01	0	105	105	5,68	Trung bình			
231	14000816	Trần Minh	Cường	Nam	23/05/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,85	Trung bình	A	B	
232	14000817	Phạm Công	Danh	Nam	06/12/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,23	Trung bình	A		
233	14000825	Trần Tiến	Dạt	Nam	17/11/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,36	Trung bình	A		
234	14000819	Dịp Chí	Dũng	Nam	23/08/1996	14CĐOT01	0	105	105	7,01	Khá	A	B	
235	14001042	Nguyễn Văn	Dương	Nam	25/01/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,73	Trung bình		B	
236	14001043	Nguyễn Ngọc	Duy	Nam	13/06/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,69	Trung bình	A	B	
237	14001044	Phạm Đình	Duy	Nam	19/03/1993	14CĐOT01	0	105	105	6,00	Trung bình	A	B	
238	14000821	Trần Anh	Duy	Nam	30/08/1996	14CĐOT01	0	105	105	7,11	Khá	A	B	
239	14000822	Trần Đức	Duy	Nam	21/01/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,40	Trung bình	A	B	
240	14000826	Phan Vũ Trường	Giang	Nam	09/09/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,95	Trung bình	A	B	
241	14001049	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	07/07/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,22	Trung bình		B	
242	14000828	Nguyễn Hùng	Hay	Nam	12/03/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,94	Trung bình			
243	14000831	Lê Minh	Hoàng	Nam	25/01/1995	14CĐOT01	0	105	105	6,40	Trung bình	A	B	
244	14001052	Trần Văn	Hùng	Nam	21/08/1995	14CĐOT01	0	105	105	6,48	Trung bình	A	B	
245	14000832	Đào Duy	Hưng	Nam	21/09/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,97	Trung bình	A	B	
246	14000835	Hoàng Thiện	Huy	Nam	06/01/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,80	Trung bình	A	B	
247	14001056	Dương Minh	Kha	Nam	05/12/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,96	Trung bình		B	
248	14000842	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	06/08/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,00	Trung bình	A	B	
249	14000844	Nguyễn Đỗ Trọng	Nghĩa	Nam	09/07/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,02	Trung bình	A	B	
250	14000847	Lưu Tấn	Phát	Nam	20/11/1996	14CĐOT01	0	105	105	5,94	Trung bình	A	B	
251	14000852	Lê Nguyễn Thanh	Son	Nam	21/12/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,25	Trung bình	A	B	
252	14000857	Nguyễn Lê Minh	Tân	Nam	23/09/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,08	Trung bình	A	B	
253	14000859	Nguyễn Xuân	Thiện	Nam	06/02/1994	14CĐOT01	0	105	105	6,43	Trung bình	A	B	
254	13D2050208	Tô Phi	Thường	Nam	05/09/1995	14CĐOT01	0	105	105	6,27	Trung bình	A	B	
255	14000864	Đặng Thanh	Vinh	Nam	10/12/1995	14CĐOT01	0	105	105	5,91	Trung bình			
256	14000865	Võ Xuân	Vinh	Nam	09/07/1996	14CĐOT01	0	105	105	6,77	Trung bình	A		
257	14000869	Huỳnh Trung	Cang	Nam	27/03/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,68	Trung bình	A		
258	14000876	Nguyễn Tiến	Đồng	Nam	04/07/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,55	Trung bình	A	B	
259	14000882	Nguyễn Xil	Hual	Nam	16/06/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,31	Trung bình		B	
260	14000884	Lâm Sĩ	Huy	Nam	01/07/1995	14CĐOT02	0	105	105	5,76	Trung bình		B	
261	14000887	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	22/08/1995	14CĐOT02	0	105	105	6,05	Trung bình	A	B	
262	14000889	Nguyễn Ngọc	Luân	Nam	10/06/1993	14CĐOT02	0	105	105	5,52	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
263	14000891	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	05/02/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,97	Trung bình	A	B	
264	14000892	Nguyễn Thái	Nguyên	Nam	31/10/1996	14CĐOT02	0	105	105	5,90	Trung bình	A	B	
265	14000895	Phạm Minh	Nhật	Nam	16/10/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,51	Trung bình	A	B	
266	14001065	Trịnh Minh	Nhiên	Nam	07/07/1996	14CĐOT02	0	105	105	5,98	Trung bình	A		
267	14000897	Trần Văn	Phát	Nam	13/03/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,20	Trung bình		B	
268	14001067	Phan Anh	Phúc	Nam	22/12/1994	14CĐOT02	0	105	105	5,90	Trung bình		B	
269	14000900	Trương Phú	Phúc	Nam	15/11/1995	14CĐOT02	0	105	105	6,30	Trung bình	A	B	
270	14000901	Phạm Trường	Phước	Nam	28/05/1996	14CĐOT02	0	105	105	7,06	Khá	A		
271	14001069	Phạm Trung	Quý	Nam	21/05/1996	14CĐOT02	0	105	105	5,95	Trung bình		B	
272	14000902	Nguyễn Quốc	Quy	Nam	24/09/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,48	Trung bình	A	B	
273	14001070	Ngô Thanh	Quý	Nam	15/01/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,25	Trung bình	A	B	
274	14001074	Nguyễn Quốc	Tân	Nam	08/06/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,96	Trung bình		B	
275	14000906	Ninh Văn	Thắng	Nam	03/12/1996	14CĐOT02	0	105	105	5,88	Trung bình		B	
276	14000907	Nguyễn Trung	Thanh	Nam	11/12/1995	14CĐOT02	0	105	105	6,18	Trung bình	A	B	
277	14001076	Nguyễn Nhật	Thành	Nam	05/01/1995	14CĐOT02	0	105	105	7,52	Khá	A	B	
278	14000909	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	10/07/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,55	Trung bình	A	B	
279	14001078	Nguyễn Tấn Thanh	Thương	Nam	11/07/1996	14CĐOT02	0	105	105	7,11	Khá	A	B	
280	14000911	Vũ Đức	Tiến	Nam	12/09/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,80	Trung bình		B	
281	14000910	Trần Hữu	Tiến	Nam	20/10/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,54	Trung bình	A	B	
282	14000916	Nguyễn Nhật	Trương	Nam	17/06/1996	14CĐOT02	0	105	105	5,92	Trung bình	A	B	
283	14000919	Lê Hoàng Thanh	Tùng	Nam	02/05/1995	14CĐOT02	0	105	105	5,76	Trung bình		B	
284	14000921	Nguyễn Khánh	Tường	Nam	10/06/1996	14CĐOT02	0	105	105	6,03	Trung bình	A	B	
285	14000925	Võ Chí	Công	Nam	20/02/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,84	Trung bình	A	B	
286	14000926	Lê Văn	Cương	Nam	29/02/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,77	Trung bình		B	
287	14000930	Đỗ Văn	Đạo	Nam	14/04/1995	14CĐOT03	0	105	105	6,65	Trung bình	A	B	
288	14000931	Trần Huỳnh Phát	Đạt	Nam	18/01/1995	14CĐOT03	0	105	105	6,03	Trung bình	A	B	
289	14000929	Đỗ Thành	Duy	Nam	28/09/1996	14CĐOT03	0	105	105	5,81	Trung bình			
290	14000937	Trần Ngọc	Huân	Nam	01/03/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,05	Trung bình	A	B	
291	14000938	Lê Công	Huy	Nam	25/12/1993	14CĐOT03	0	105	105	6,27	Trung bình	A	B	
292	14000939	Nguyễn Công	Khải	Nam	20/06/1996	14CĐOT03	0	105	105	7,40	Khá	A	B	
293	14000941	Trần	Khôi	Nam	03/06/1996	14CĐOT03	0	105	105	5,83	Trung bình	A		
294	14000943	Nguyễn Xuân	Lượng	Nam	23/08/1990	14CĐOT03	0	105	105	6,66	Trung bình	A	B	
295	14000945	Nguyễn Hữu	Năm	Nam	07/07/1995	14CĐOT03	0	105	105	7,11	Khá	A	B	
296	14000946	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	19/08/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,63	Trung bình	A	B	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
297	14000948	Phan Thanh	Nhật	Nam	25/05/1995	14CĐOT03	0	105	105	6,84	Trung bình	A	B	
298	14000949	Phan Văn	Pháp	Nam	14/07/1996	14CĐOT03	0	105	105	7,19	Khá	A	B	
299	14000954	Lê Thành	Quyên	Nam	08/08/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,01	Trung bình	A	B	
300	14000957	Lê Trần Tử	Thạch	Nam	27/07/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,75	Trung bình	A	B	
301	14000959	Đặng Minh	Thắng	Nam	22/09/1996	14CĐOT03	0	105	105	5,96	Trung bình		B	
302	11D0030368	Nguyễn Đức Hà	Thắng	Nam	12/08/1992	14CĐOT03	0	105	105	6,40	Trung bình			
303	14000962	Phạm Nguyễn Huy	Thành	Nam	11/12/1992	14CĐOT03	0	105	105	5,98	Trung bình	A	B	
304	14000963	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	21/02/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,46	Trung bình	A	B	
305	14000964	Lê Quang	Thịnh	Nam	01/02/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,40	Trung bình	A	B	
306	14000965	Trần Thiện	Thịnh	Nam	08/05/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,26	Trung bình	A	B	
307	13D2050214	Huỳnh Trọng	Tín	Nam	22/01/1995	14CĐOT03	0	105	105	6,13	Trung bình		B	
308	14000968	Trương Ngọc	Toàn	Nam	06/12/1994	14CĐOT03	0	105	105	5,93	Trung bình	A	B	
309	14000969	Phan Minh	Trí	Nam	10/07/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,01	Trung bình	A	B	
310	14000970	Phạm Hiền	Triết	Nam	26/10/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,03	Trung bình	A	B	
311	14000973	Lê Đình	Tú	Nam	02/04/1996	14CĐOT03	0	105	105	5,93	Trung bình	A	B	
312	14000974	Phan Xuân	Tuấn	Nam	06/01/1994	14CĐOT03	0	105	105	6,07	Trung bình	A	B	
313	14000975	Phan Thanh	Tùng	Nam	19/11/1996	14CĐOT03	0	105	105	5,95	Trung bình	A	B	
314	14000978	Lê Vinh Anh	Vũ	Nam	15/11/1995	14CĐOT03	0	105	105	6,48	Trung bình	A	B	
315	14000979	Trần Thanh	Vũ	Nam	31/08/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,38	Trung bình	A	B	
316	14000980	Lê Hữu	Ý	Nam	18/06/1996	14CĐOT03	0	105	105	6,04	Trung bình	A	B	
317	13D2050278	Đặng Tuấn	Anh	Nam	15/01/1995	14CĐOT04	0	105	105	5,84	Trung bình	A	B	
318	14000984	Ân Hữu	Cường	Nam	04/04/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,37	Trung bình	A	B	
319	14000991	Trần Anh	Đức	Nam	16/12/1994	14CĐOT04	0	105	105	6,15	Trung bình		B	
320	13D2050043	Nguyễn Minh	Được	Nam	31/12/1995	14CĐOT04	0	105	105	5,95	Trung bình			
321	14000986	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	04/12/1996	14CĐOT04	0	105	105	7,31	Khá	A	B	
322	14000987	Nguyễn Thái	Duy	Nam	01/07/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,10	Trung bình		B	
323	14000997	Lê Minh Đức	Huy	Nam	03/08/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,18	Trung bình	A	B	
324	14000998	Nguyễn Quang	Huy	Nam	11/10/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,21	Trung bình	A	B	
325	14001000	Lê Minh	Khánh	Nam	27/11/1996	14CĐOT04	0	105	105	5,75	Trung bình		B	
326	14001001	Nguyễn Trọng	Khoa	Nam	12/10/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,02	Trung bình	A	B	
327	14001002	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	06/01/1995	14CĐOT04	0	105	105	5,91	Trung bình	A	B	
328	14001004	Bùi Văn	Minh	Nam	06/09/1996	14CĐOT04	0	105	105	5,83	Trung bình	A	B	
329	14001005	Nguyễn Hải	Nam	Nam	16/12/1996	14CĐOT04	0	105	105	5,61	Trung bình		B	
330	14001006	Nguyễn Huỳnh	Nam	Nam	22/11/1996	14CĐOT04	0	105	105	5,84	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
331	14001007	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	24/04/1995	14CĐOT04	0	105	105	5,53	Trung bình	A	B	
332	14001008	Đình Quang	Nhân	Nam	01/06/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,69	Trung bình	A	B	
333	13D2050133	Hồ Xuân	Nhân	Nam	14/08/1995	14CĐOT04	0	105	105	6,22	Trung bình	A	B	
334	14001009	Lê Nhựt	Nhi	Nam	30/12/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,39	Trung bình	A	B	
335	14001013	Hồ Vũ	Quát	Nam	18/03/1995	14CĐOT04	0	105	105	6,47	Trung bình	A	B	
336	14001017	Trần Ngọc	Thạch	Nam	02/07/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,51	Trung bình	A	B	
337	14001019	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	31/05/1996	14CĐOT04	0	105	105	5,82	Trung bình	A	B	
338	14001024	Nguyễn Văn	Tĩnh	Nam	04/05/1994	14CĐOT04	0	105	105	6,04	Trung bình	A	B	
339	14001025	Phạm Tấn	Tối	Nam	18/04/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,60	Trung bình	A	B	
340	14001084	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	24/05/1994	14CĐOT04	0	105	105	5,78	Trung bình	A		
341	14001027	Trần Hoài	Trọng	Nam	12/07/1995	14CĐOT04	0	105	105	6,83	Trung bình	A	B	
342	14001086	Quách Khén	Trương	Nam	29/01/1995	14CĐOT04	0	105	105	6,47	Trung bình	A		
343	14001085	Nguyễn Xuân	Trưởng	Nam	10/01/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,38	Trung bình	A	B	
344	14001092	Đỗ Trần Anh	Vũ	Nam	05/06/1994	14CĐOT04	0	105	105	6,34	Trung bình	A	B	
345	14001036	Hồ Ngọc	Vương	Nam	24/12/1996	14CĐOT04	0	105	105	6,12	Trung bình	A		
346	14001037	Nguyễn Hoài	Yên	Nam	00/00/1995	14CĐOT04	0	105	105	6,31	Trung bình	A		
347	14001094	Ngô Ngọc Thúy	An	Nữ	17/09/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,00	Khá	A	B	
348	14001095	Nguyễn Thị Phương	Diễm	Nữ	27/10/1995	14CĐMT01	0	105	105	6,38	Trung bình	A	B	
349	14001098	Trương Thị	Hằng	Nữ	23/11/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,31	Trung bình	A		
350	14001099	Lâm Thanh	Hào	Nữ	29/09/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,81	Trung bình	A	B	
351	13D2040013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	10/11/1994	14CĐMT01	0	105	105	6,20	Trung bình		B	
352	14001103	Huỳnh Ngọc Lan	Hương	Nữ	20/08/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,23	Khá	A	B	
353	14001104	Lại Thị Tuyết	Hương	Nữ	11/07/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,38	Trung bình	A	B	
354	14001106	Phạm Thị Mỹ	Huyền	Nữ	01/12/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,04	Khá	A	B	
355	14001108	Nguyễn Thị	Lài	Nữ	20/09/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,97	Trung bình	A	B	
356	14001109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	17/09/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,81	Trung bình	A	B	
357	14001110	Phan Thị Tuyết	Mai	Nữ	19/09/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,60	Trung bình	A	B	
358	14001111	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	18/12/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,10	Khá	A	B	
359	14001112	Võ Thị Hà	Mi	Nữ	24/06/1995	14CĐMT01	0	105	105	8,08	Giỏi	A	B	
360	14001113	Lê Thị Bích	Ngoan	Nữ	06/05/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,64	Trung bình	A	B	
361	14001114	Huỳnh Thị Tường	Nhi	Nữ	20/01/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,46	Trung bình	A	B	
362	14001115	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	18/09/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,57	Trung bình	A	B	
363	14001116	Trần Thị Ý	Nhi	Nữ	26/04/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,45	Khá	A	B	
364	14001117	Võ Thị Hồng	Nhiên	Nữ	09/03/1995	14CĐMT01	0	105	105	6,96	Trung bình	A	B	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
365	14001119	Phạm Thị Hồng	Quyên	Nữ	04/03/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,16	Trung bình	A	B	
366	14001121	Nguyễn Thị Mộng	Quỳnh	Nữ	17/04/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,13	Khá	A	B	
367	14001123	Phạm Thị Thu	Sương	Nữ	15/12/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,92	Trung bình	A	B	
368	14001124	Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	22/02/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,62	Trung bình	A	B	
369	13D2040041	Vương Hào	Thảo	Nữ	18/11/1994	14CĐMT01	0	105	105	6,37	Trung bình	A	B	
370	14001127	Lâm Anh	Thư	Nữ	06/04/1996	14CĐMT01	0	105	105	7,26	Khá	A	B	
371	14001128	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	15/06/1996	14CĐMT01	0	105	105	6,55	Trung bình	A	B	
372	14001129	Trần Thị Diễm	Trinh	Nữ	25/09/1995	14CĐMT01	0	105	105	8,09	Giỏi	A	B	
373	13D2040052	Trần Thị Phương	Trinh	Nữ	26/12/1995	14CĐMT01	0	105	106	6,34	Trung bình	A		
374	14001132	Lê Đạt Trường	An	Nam	26/07/1995	14CĐTP01	0	105	105	6,36	Trung bình			
375	14001133	Trần Huy	Bảo	Nam	12/09/1996	14CĐTP01	0	105	105	6,22	Trung bình		B	
376	13D201P007	Lê	Bình	Nam	14/01/1995	14CĐTP01	0	105	105	5,57	Trung bình			
377	14001135	Nguyễn Ngọc	Có	Nam	27/07/1996	14CĐTP01	0	105	105	5,89	Trung bình		B	
378	14001138	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/11/1995	14CĐTP01	0	105	105	5,53	Trung bình		B	
379	14001139	Phùng Tấn	Đạt	Nam	04/08/1996	14CĐTP01	0	105	105	6,59	Trung bình		B	
380	14001137	Nguyễn Văn	Dương	Nam	12/03/1994	14CĐTP01	0	105	105	5,85	Trung bình		B	
381	14001174	Lê Thái	Duy	Nam	06/11/1995	14CĐTP01	0	105	105	5,99	Trung bình		B	
382	14001178	Nguyễn Công	Hậu	Nam	06/12/1994	14CĐTP01	0	105	105	7,01	Khá		B	
383	14001145	Lê Đăng	Khoa	Nam	19/08/1996	14CĐTP01	0	105	105	7,46	Khá		B	
384	14001182	Trần Đăng	Khoa	Nam	15/09/1995	14CĐTP01	0	105	105	6,40	Trung bình		B	
385	14001183	Hoàng Thái Xuân	Khôi	Nam	11/01/1995	14CĐTP01	0	105	105	6,84	Trung bình		B	
386	14001184	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	03/06/1996	14CĐTP01	0	105	105	6,74	Trung bình		B	
387	14001146	Nguyễn An	Lãnh	Nam	01/03/1995	14CĐTP01	0	105	105	6,15	Trung bình		B	
388	14001147	Lê Võ Như	Long	Nam	21/10/1995	14CĐTP01	0	105	105	6,80	Trung bình		B	
389	14001148	Đặng Công	Minh	Nam	13/06/1992	14CĐTP01	0	105	105	6,32	Trung bình		B	
390	14001188	Dương Triển	Minh	Nam	04/11/1994	14CĐTP01	0	105	105	6,11	Trung bình			
391	13D201P074	Lâm Nhật	Phát	Nam	15/03/1995	14CĐTP01	0	105	105	6,21	Trung bình		B	
392	14001152	Nguyễn Tiến	Phi	Nam	04/11/1996	14CĐTP01	0	105	105	6,17	Trung bình		B	
393	14001191	Ngô Thị	Phúc	Nữ	12/02/1995	14CĐTP01	0	105	105	5,91	Trung bình		B	
394	14001157	Trương Tấn	Sang	Nam	21/11/1996	14CĐTP01	0	105	105	6,51	Trung bình		B	
395	14001158	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	13/12/1994	14CĐTP01	0	105	105	7,01	Khá		B	
396	14001196	Trần Thị Thu	Tâm	Nữ	16/03/1994	14CĐTP01	0	105	105	6,55	Trung bình		B	
397	14001197	Đặng Hùng	Tấn	Nam	09/04/1995	14CĐTP01	0	105	105	5,90	Trung bình			
398	14001159	Nguyễn Văn	Tây	Nam	22/05/1996	14CĐTP01	0	105	105	5,92	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
399	14001160	Diệp Thái	Thanh	Nam	08/02/1996	14CDTP01	0	105	105	6,55	Trung bình		B	
400	14001198	Đoàn Minh	Thế	Nam	17/08/1995	14CDTP01	0	105	105	5,86	Trung bình		B	
401	14001203	Huỳnh Châu Minh	Thuận	Nam	25/09/1995	14CDTP01	0	105	105	5,90	Trung bình		B	
402	14001162	Nguyễn Văn Hoài	Thương	Nam	05/09/1996	14CDTP01	0	105	105	6,07	Trung bình		B	
403	14001204	Nguyễn Duy	Tiến	Nam	06/09/1996	14CDTP01	0	105	105	6,14	Trung bình			
404	14001164	Nguyễn Công	Tính	Nam	31/10/1995	14CDTP01	0	105	105	5,60	Trung bình		B	
405	14001168	Nguyễn Ngọc	Tuân	Nam	20/08/1996	14CDTP01	0	105	105	5,93	Trung bình		B	
406	14001167	Lại Văn	Tuấn	Nam	20/04/1996	14CDTP01	0	105	105	5,99	Trung bình		B	
407	14001209	Nguyễn Văn	Ty	Nam	26/03/1996	14CDTP01	0	105	105	5,61	Trung bình		B	
408	14001170	Lư Bảo	Vinh	Nam	11/12/1996	14CDTP01	0	105	105	6,16	Trung bình		B	
409	14001215	Lê Văn	Giản	Nam	05/06/1996	14CDTM01	0	105	105	6,05	Trung bình		B	
410	14001216	Lê Thanh	Hải	Nam	22/12/1995	14CDTM01	0	105	105	6,34	Trung bình		B	
411	14001217	Lê Chí	Hiếu	Nam	08/01/1991	14CDTM01	0	105	105	6,80	Trung bình			
412	14001222	Rhàng Wang Thu	Khâm	Nữ	12/09/1995	14CDTM01	0	105	105	6,66	Trung bình		B	
413	14001224	Phún Vũ	Kiệt	Nam	21/01/1996	14CDTM01	0	105	105	6,19	Trung bình		B	
414	14001226	Võ Tiến	Long	Nam	10/12/1996	14CDTM01	0	105	105	5,59	Trung bình		B	
415	14001227	Nguyễn Thanh	Ngân	Nam	26/05/1996	14CDTM01	0	105	105	6,31	Trung bình		B	
416	14001232	Nguyễn Tấn Thiên	Sinh	Nam	11/01/1996	14CDTM01	0	105	105	6,12	Trung bình		B	
417	14001234	Nguyễn Hoàng	Thông	Nam	28/02/1996	14CDTM01	0	105	105	6,06	Trung bình		B	
418	14001239	Đàm Quốc	Vinh	Nam	07/10/1995	14CDTM01	0	105	105	5,88	Trung bình		B	
419	15003540	Nguyễn Trường	An	Nam	03/04/1993	15CD-LTCK	0	50	50	6,70	Trung bình			
420	15003561	Nguyễn Đức	Huy	Nam	19/11/1992	15CD-LTCK	0	50	50	6,59	Trung bình			
421	15003544	Nguyễn Mạnh	Phong	Nam	16/03/1991	15CD-LTCK	0	50	50	5,72	Trung bình			
422	15003521	Nguyễn Ngọc	Phong	Nam	14/11/1987	15CD-LTCK	0	50	50	7,67	Khá			
423	15003531	Lê Trọng	Tuyến	Nam	01/11/1990	15CD-LTCK	0	50	50	6,95	Trung bình			
424	15003549	Phan Văn	Vạn	Nam	28/07/1994	15CD-LTCK	0	50	50	7,23	Khá			
425	15003514	Trần Văn	Đặng	Nam	11/03/1991	15CD-LTĐ	0	50	50	6,51	Trung bình			
426	15003525	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	05/05/1991	15CD-LTĐ	0	50	50	6,34	Trung bình			
427	15003550	Ngô Minh	Đức	Nam	08/12/1994	15CD-LTĐ	0	50	50	5,94	Trung bình			
428	15003557	Lê Văn	Hiệp	Nam	25/03/1995	15CD-LTĐ	0	50	50	6,19	Trung bình			
429	15003535	Nguyễn Văn	Hưởng	Nam	12/02/1994	15CD-LTĐ	0	50	50	6,26	Trung bình			
430	15003515	Nguyễn Chánh	Khoa	Nam	23/09/1989	15CD-LTĐ	0	50	50	6,14	Trung bình			
431	15003554	Nguyễn Thành	Luân	Nam	23/05/1997	15CD-LTĐ	0	50	50	6,06	Trung bình			
432	15003523	Võ Thành	Nhơn	Nam	28/09/1994	15CD-LTĐ	0	50	50	6,10	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	CC TH	CC TA	Ghi chú
433	15003553	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	02/08/1986	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,23	Trung bình			
434	15003559	Bùi Cao	Phi	Nam	23/05/1994	15CĐ-LTĐ	0	50	50	5,85	Trung bình			
435	15003558	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	28/02/1987	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,92	Trung bình			
436	15003560	Nguyễn Văn	Son	Nam	29/06/1992	15CĐ-LTĐ	0	50	50	7,56	Khá			
437	15003547	Dương Tấn	Tài	Nam	05/07/1990	15CĐ-LTĐ	0	50	50	5,96	Trung bình			
438	15003529	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	03/03/1995	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,33	Trung bình			
439	15003520	Huỳnh Duy	Thương	Nam	28/05/1994	15CĐ-LTĐ	0	50	50	7,73	Khá			
440	15003541	Phạm Văn	Thương	Nam	02/05/1995	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,23	Trung bình			
441	15003518	Trần Đình	Trình	Nam	18/11/1989	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,61	Trung bình			
442	15003548	Phạm Quốc	Trọng	Nam	07/02/1994	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,06	Trung bình			
443	15003530	Vũ Minh	Trọng	Nam	16/04/1994	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,03	Trung bình			
444	15003555	Nguyễn Trung	Trực	Nam	22/09/1992	15CĐ-LTĐ	0	50	50	7,28	Khá			
445	15003537	Trần Văn	Vàng	Nam	16/08/1986	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,42	Trung bình			
446	15003516	Trần Huy	Vũ	Nam	27/07/1988	15CĐ-LTĐ	0	50	50	6,68	Trung bình			
447	15003542	Nguyễn Trần Thanh	Duy	Nam	21/01/1994	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,81	Trung bình	A		
448	15003539	Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	16/01/1995	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,60	Trung bình			
449	15003527	Trần Văn	Hiền	Nam	19/06/1989	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,57	Trung bình			
450	15003538	Dương Thái	Hiệp	Nam	09/06/1994	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,31	Trung bình			
451	15003526	Lê Ngọc	Hoàng	Nam	12/01/1994	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	7,29	Khá	A		
452	15003543	Nguyễn Thành	Lộc	Nam	01/03/1994	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,42	Trung bình			
453	15003517	Đặng Quang	Minh	Nam	29/12/1984	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	7,14	Khá			
454	15003532	Phan Bá	Nguyễn	Nam	20/09/1993	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	7,64	Khá			
455	15003545	Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	08/12/1982	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,74	Trung bình			
456	15003533	Nguyễn Thanh	Tiếp	Nam	12/10/1995	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,30	Trung bình	A		
457	15003528	Đinh Hùng	Tính	Nam	15/07/1994	15CĐ-LTÔTÔ	0	50	50	6,77	Trung bình			

Tổng cộng danh sách có 457 sinh viên

Trong đó	Giỏi	02 SV	0,44 %
	Khá	36 SV	7,88 %
	Trung bình khá	01 SV	0,22 %
	Trung bình	418 SV	91,47 %

(Chữ ký)